

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-PT

Ngày 12 - 03 - 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Đoàn;

*Các Thẩm phán:* Ông Vũ Dũng;

Bà Đỗ Thu Hương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích Thảo - Thư ký Tòa án nH4 dân tỉnh Yên Bái.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái:** Bà Lương Thị Thanh Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 63/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2020 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 21-2-2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh H1 - sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố Hy (tổ 18 cũ), phường H, thành phố Yên Bái; Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Thanh H2 - sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố Hy (tổ 18 cũ), phường H, thành phố Yên Bái; Có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Đỗ Thanh H2 là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

Theo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái vụ án có nội dung như sau:

Chị Phạm Thị Thanh H1 và anh Đỗ Thanh H2 được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19-01-2013 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị

chung sống hạnh phúc đến tháng 11-2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu các bên đều thừa nhận là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai vợ chồng và hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị H1 xác định tình cảm đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H2.

Về con chung: Chị H1 và anh H2 có 03 con chung là cháu Đỗ Gia H3, sinh ngày 08-3-2009; cháu Đỗ Bảo H4, sinh ngày 13-3-2013; cháu Đỗ Gia H5, sinh ngày 13-6-2018. Khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh Đỗ Thanh H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai anh H2 trình bày: Anh xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như chị H1 đã trình bày nêu trên là đúng. Nay chị H1 có đơn xin ly hôn anh đồng ý với ý kiến là đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị H1.

Về nuôi con: Anh H2 xác nhận có ba con chung với chị H1 như chị H1 nêu trên là đúng. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh nhất trí với nguyện vọng của chị H1 là để chị H1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả ba con chung là cháu Đỗ Gia H3, sinh ngày 08-3-2009; cháu Đỗ Bảo H4, sinh ngày 13-3-2013; cháu Đỗ Gia H5, sinh ngày 13-6-2018. Anh H2 không phải cấp dưỡng nuôi ba con chung.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 1 điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thanh H1 được ly hôn với anh Đỗ Thanh H2.

2.Về con chung: Giao cháu Đỗ Gia H3, sinh ngày 08-3-2009; cháu Đỗ Bảo H4, sinh ngày 13-3-2013; cháu Đỗ Gia H5, sinh ngày 13-6-2018 cho chị Phạm Thị Thanh H1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Thanh H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định việc chịu án phí dân sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự và hướng dẫn thi hành án theo quy định.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019, bị đơn anh Đỗ Thanh H2 kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm về việc giao 03 con chung cho chị Phạm Thị Thanh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H2 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho anh được nuôi dưỡng hai cháu Đỗ Gia H3, sinh ngày 08-3-2009 và cháu Đỗ Bảo H4, sinh ngày 13-3-2013.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Đỗ Thanh H2 giữ nguyên nội dung kháng cáo và cung cấp bằng chứng chứng minh thu nhập đủ điều kiện nuôi con.

Chị Phạm Thị Thanh H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đỗ Thanh H2; Sửa bản án sơ thẩm số 63/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái và đề nghị giao cho anh H2 nuôi một con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Chị H1 có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Đỗ Thanh H2 và có nguyện vọng trực tiếp nuôi 03 con chung; anh Đỗ Thanh H2 có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Hy (tổ 18 cũ), phường H, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. Việc Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái đã thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập anh H2 đến để hòa giải nhiều lần nhưng anh H2 không có mặt. Đến ngày 30-11-2019 anh H2 đã nộp bản tự khai cho Tòa án cấp sơ thẩm với nội dung đồng ý với ý kiến và nguyện vọng của chị H1, chị H1 không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng

nuôi ba con chung nên Tòa án cấp sơ thẩm giao 03 con chung cho chị H1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[3] Nguyên vọng được nuôi con chung của chị Phạm Thị Thanh H1 và anh Đỗ Thanh H2 đều chính đáng. Tại cấp phúc thẩm, anh H2 cung cấp được các tài liệu chứng cứ thể hiện anh có thu nhập từ lương để xác định điều kiện nuôi dưỡng con vì vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh Đỗ Thanh H2 sửa Bản án sơ thẩm số 63/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo hướng cho anh H2 nuôi cháu Đỗ Bảo H4, sinh ngày 13-3-2013. Việc sửa bản án sơ thẩm do có tình tiết mới nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ cần được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên anh H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Đỗ Thanh H2; sửa Bản án sơ thẩm số 63/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái:

Giao cháu Đỗ Gia H3, sinh ngày 08-3-2009; cháu Đỗ Gia H5, sinh ngày 13-6-2018 cho chị Phạm Thị Thanh H1; giao cháu Đỗ Bảo H4, sinh ngày 13-3-2013 cho anh H2 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Đỗ Thanh H2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, đ- ợc hoàn lại số tiền tạm ứng 300.000 đồng anh H2 đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0005216 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT3-TAND Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp Cao
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND TP. Yên Bái;
- Chi cục THA DS TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Đức Đoàn**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Vũ Dũng**

**Đỗ Thu Hương**

**Nguyễn Đức Đoàn**

**TÒA ÁN NH4 DÂN.....<sup>(1)</sup>**

Bản án số<sup>(2)</sup> ...../...../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Ngày<sup>(3)</sup> .....-.....-.....  
V/v tranh chấp<sup>(4)</sup> .....

**NH4 DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NH4 DÂN<sup>(5)</sup> .....**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có<sup>(6)</sup>:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông (Bà): .....

*Các Thẩm phán:* Ông (Bà): .....

Ông (Bà): .....

**- Thư ký phiên tòa:** Ông (Bà):<sup>(7)</sup> .....

**- Đại diện Viện Kiểm sát nH4 dân<sup>(8)</sup> .....** Ông (Bà)..... Kiểm sát viên tham gia phiên tòa (nếu có).

Trong các ngày ..... tháng ..... năm .....<sup>(9)</sup> tại .....  
xét xử phúc thẩm công khai<sup>(10)</sup> vụ án thụ lý số: ...../...../TLPT-.... ngày ...  
tháng ... năm ..... về tranh chấp .....

Do bản án dân sự sơ thẩm số.../.../... ngày... tháng... năm... của Tòa án nH4 dân..... bị kháng cáo (hoặc kháng nghị).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:...../..... /QĐPT-.....  
ngày... tháng ... năm ..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:<sup>(11)</sup> .....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(12)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(13)</sup> .....

2. Bị đơn:<sup>(14)</sup> .....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:<sup>(15)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:<sup>(16)</sup> .....

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(17)</sup> .....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(18)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(19)</sup> .....

4. Người làm chứng<sup>(20)</sup>

5. Người giám định<sup>(21)</sup> .....

6. Người phiên dịch:<sup>(22)</sup> .....

7. Người kháng cáo<sup>(23)</sup> .....

8. Viện kiểm sát kháng nghị<sup>(24)</sup> .....

**NỘI DUNG VỤ ÁN<sup>(25)</sup>**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:<sup>(26)</sup>**

[1] .....

[2] .....

[3] .....

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào <sup>(27)</sup> .....  
(28). .....

..... (29)

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 75:**

- (1) và (5) Ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm. Nếu là Tòa án nH4 dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nH4 dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nH4 dân tỉnh Phú Thọ); nếu là Tòa án nH4 dân cấp cao, thì cần ghi rõ Tòa án nH4 dân cấp cao tại thành phố nào (ví dụ: Tòa án nH4 dân cấp cao tại Đà Nẵng).
- (2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại năm 2017 có số 10 thì ghi: Số 10/2017/KDTM-PT).
- (3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không pH4 biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nH4 với cá nH4 được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nH4 với cá nH4”).
- (6) Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán.
- (7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).
- (8) Nếu có Viện Kiểm sát nH4 dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Tòa án nH4 dân" thành "Viện kiểm sát nH4 dân".
- (9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).
- (10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.
- (11) Nguyên đơn là cá nH4 thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Trường hợp nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
- (12) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...". Trường hợp người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, thì ghi họ tên, chức vụ của người đó.
- (13) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
- (14) và (17) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (11).
- (15) và (18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (12).
- (16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
- (20) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(21) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(23) Ghi họ tên và tư cách tham gia tố tụng của người kháng cáo.

(24) Ghi người có thẩm quyền kháng nghị (ví dụ: Viện trưởng Viện kiểm sát nH4 dân tỉnh Hà Nam).

(25) Trong phần này ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(26) Trong phần này, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để pH4 tích, đánh giá nhận định về kháng cáo, kháng nghị, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) mà Tòa án viện dẫn, áp dụng; nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án pH4 tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí sơ thẩm, phúc thẩm, chi phí tố tụng (nếu có). Trường hợp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nH5 bị hủy và ghi rõ trong bản án. Ghi rõ bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nH4 khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

**Nơi nhận:**

- Ghi theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

VŨ DŨNG

NGUYỄN THỊ VÂN

NGUYỄN ĐỨC ĐOÀN

**Nơi nhận:**

- Tòa án nH4 dân Cấp Cao
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND H3ện Lục Yên;
- Chi cụcTHA DS H3ện Lục Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TA, HCTP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức Đoàn**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà): .....  
Các Thẩm phán: Ông (Bà): .....

Ông (Bà):.....

Trong các ngày ..... tháng ..... năm .....<sup>(9)</sup> tại .....  
xét xử phúc thẩm công khai<sup>(10)</sup> theo thủ tục<sup>(11)</sup> ..... vụ án thụ lý số:  
...../...../TLPT-.... ngày ... tháng ... năm ..... về tranh chấp .....

Do bản án dân sự sơ thẩm số.../.../...ngày...tháng...năm... của Tòa án nH4  
dân..... bị kháng cáo (hoặc kháng nghị)  
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:...../..... /QĐPT-.....  
ngày... tháng ... năm ..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:<sup>(12)</sup> .....  
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(13)</sup> .....  
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:<sup>(14)</sup> .....

2. Bị đơn:<sup>(15)</sup> .....  
Người đại diện hợp pháp của bị đơn:<sup>(16)</sup> .....  
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:<sup>(17)</sup> .....

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(18)</sup> .....  
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:<sup>(19)</sup> .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên  
quan:<sup>(20)</sup> .....

4. Người phiên dịch:<sup>(21)</sup> .....  
5. Người giám định:<sup>(22)</sup> .....  
6. Người kháng cáo<sup>(23)</sup> .....  
7. Viện kiểm sát kháng nghị<sup>(24)</sup> .....

Thư ký phiên tòa: Ông (Bà):..... - Thư ký Tòa án, Tòa  
án nH4 dân<sup>(7)</sup>

Đại diện Viện Kiểm sát nH4 dân<sup>(8)</sup> ..... Ông (Bà)..... Kiểm sát viên tham gia  
phiên tòa (nếu có).

#### **NHẬN THẤY:<sup>(25)</sup>**

.....  
.....  
.....

#### **XÉT THẤY:<sup>(26)</sup>**

- .....  
- .....  
- .....

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào khoản ...Điều 308 và Điều (các điều).....của Bộ luật tố tụng dân sự  
<sup>(27)</sup>

#### **QUYẾT ĐỊNH:<sup>(28)</sup>**

.....

.....  
.....  
.....  
..... (29)

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 72:**

- (1) và (5) Ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm. Nếu là Tòa án nH4 dân cấp tỉnh, thì cần ghi rõ Tòa án nH4 dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nH4 dân tỉnh Hà Tây); nếu là Tòa phúc thẩm Tòa án nH4 dân tối cao, thì cần ghi rõ Tòa phúc thẩm Tòa án nH4 dân tối cao tại thành phố nào (ví dụ: Tòa phúc thẩm Tòa án nH4 dân tối cao tại thành phố Đà Nẵng).
- (2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh thương mại năm 2012 có số 10 thì ghi: Số 10/2017/KDTM-PT).
- (3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không pH4 biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.
- (4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nH4 với cá nH4 được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nH4 với cá nH4”).
- (6) Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán.
- (7) Ghi họ tên của Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa và tên của Tòa án, nơi Thư ký Tòa án công tác như hướng dẫn tại điểm (1).
- (8) Nếu có Viện Kiểm sát nH4 dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Tòa án nH4 dân" thành "Viện kiểm sát nH4 dân".
- (9) Trong trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 05 tháng 12 năm 2017 tại...).
- Trong trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày tương đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 5 và 6 tháng 12...); nếu số ngày nhiều liên nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 5 đến ngày 7 tháng 12 năm ...); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày ... tháng ... đến ngày ... tháng ... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 28-11 đến ngày 02-12 năm ...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm ...).
- (10) Nếu xét xử kín thì thay hai chữ "công khai" bằng chữ "kín".
- (11) Tùy theo vụ án mà ghi “thông thường” hay “rút gọn”.
- (12) Nguyên đơn là cá nH4 thì ghi họ và tên, địa chỉ cư trú. Nếu nguyên đơn là người chưa thành niên thì sau họ và tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh. Trường hợp nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.
- (13) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ và tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...”. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, thì ghi họ và tên, chức vụ của người đó.
- (14) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ và tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
- (15) và (18) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (12).
- (16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
- (17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
- (21) và (21) Ghi họ và tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
- (23) Ghi họ và tên và tư cách pháp lý của người kháng cáo.
- (24) Ghi tên của Viện kiểm sát kháng nghị.
- (25) Trong phần này ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(26) Trong phần này ghi nhận định của Tòa án, phải PH4 tích những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo của đương sự, kháng nghị của Viện kiểm sát (nếu có). Cần viện dẫn điểm, khoản và điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ để giải quyết vụ án.

(27) Ghi khoản (các khoản) quy định tại Điều 308 và Điều (các điều) tương ứng (309, 310, 311) của BLTTDS để Hội đồng xét xử căn cứ để ra quyết định.

(28) Trong phần này ghi áp dụng điểm, khoản, điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng để ra quyết định. Ghi các quyết định của Hội đồng xét xử phúc thẩm về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án do có kháng cáo, kháng nghị, về án phí sơ thẩm, phúc thẩm.

(29) Phần cuối cùng của bản án, nếu là bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); nếu là bản án chính để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

***Nơi nhận:***

- Ghi những nơi mà Tòa án cấp phúc thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 315 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án chính;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(Ký tên và đóng dấu của Tòa án)*

Họ và tên